

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA BÈ  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 16 tháng 01 năm 2024.  
“ V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Thảo

Bà Chu Thị Thu Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Bào Kim Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bè,  
tỉnh Bắc Kạn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn tham gia  
phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Bè,  
tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:  
63/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-  
HNGĐ ngày 29/12/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Đỗ Thị T**, sinh năm 1991. Có mặt

- Bị đơn: **Anh Lộc Văn Q**, sinh năm 1986. Có mặt

Đều trú tại: **Thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên  
đơn chị **Đỗ Thị T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh **Lộc Văn Q** xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện,  
có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã C** (nay là **xã T**), **huyện B, tỉnh Bắc Kạn**  
năm 2014. Cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc, nhưng sau đó khi tôi sinh con được  
vài tháng thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do phong tục tập  
quán vùng miền khác nhau, do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống gia đình và  
nhiều vấn đề khác. Sau đó tôi về quê ngoại tại **xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên** sinh

sống và làm ăn nuôi con, thỉnh thoảng anh **Lộc Văn Q** có xuống thăm con và bản thân tôi cũng đã động viên chồng tôi chịu khó làm ăn nhưng anh **Q** không nghe và bỏ về Bắc Kạn, hai vợ chồng không nói chuyện được với nhau cứ nói chuyện là cãi nhau và mâu thuẫn lại phát sinh, do vậy hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay tôi xin được ly hôn với anh **Lộc Văn Q**.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên là **Lộc Duy P**, sinh ngày 08/10/2014 con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay đang sống cùng tôi tại **thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên**. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và tôi không yêu cầu anh **Lộc Văn Q** đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh **Lộc Văn Q** trình bày: Tôi kết hôn với chị **Đỗ Thị T** trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã C** (nay là **xã T**), **huyện B, tỉnh Bắc Kạn** vào năm 2014. Sau khi kết hôn hai vợ chồng tôi sinh sống tại **thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng vẫn hòa thuận hạnh phúc, khi con được 04 tháng tuổi vợ chồng tôi cùng con về nhà ngoại tại **thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên** và vợ chồng tôi đi làm, bản thân tôi đi làm tại Hà Nội vẫn thường xuyên liên lạc và thăm nom vợ con. Năm 2018 hai vợ chồng bàn bạc và thống nhất cho vợ tôi đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và từ đó vợ chồng thỉnh thoảng cãi vã do chị **T** ít liên lạc về nhà. Năm 2021 chị **T** về nước cùng nhau bàn bạc về dưới Hưng Yên cùng nhau làm ăn nhưng do thời điểm đó là thời điểm dịch Covid chưa xin được việc làm nên tôi lại về quê. Từ khi chị **T** mang thai lần hai và không giữ được, chị **T** cho rằng tôi không quan tâm đến vợ con và bắt đầu lạnh nhạt với tôi, vợ chồng có những bất đồng, cãi vã nhau. Vợ chồng tôi ly thân từ khoảng tháng 5/2022 cho đến nay. Nay chị **Đỗ Thị T** có đơn xin ly hôn với tôi, bản thân tôi xác định vẫn còn tình cảm với vợ, nên tôi không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị **Đỗ Thị T** có một con chung tên là **Lộc Duy P**, sinh ngày 08/10/2014 con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay con đang sống cùng với vợ tôi tại **thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên**. Nếu phải ly hôn, tôi có nguyện vọng giao con cho chị **Đỗ Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung vì con từ nhỏ đã ở với chị **T**, tôi được thăm nom con và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập các tài liệu liên quan đến việc xin ly hôn của chị **Đỗ Thị T**, biên bản xác minh quá trình sinh sống của hai vợ chồng, lý do xin ly hôn và các mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của cả hai vợ chồng, điều kiện kinh tế và hoàn cảnh gia đình của hai bên đương sự tại địa phương và Tòa án nhân dân huyện Ba Bể đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, nên Tòa án tiến hành lập biên bản hòa giải không thành và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị **Đỗ Thị T** vẫn giữ nguyên yêu cầu được Ly hôn với anh **Lộc Văn Q** và có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh **Q** đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bị đơn anh **Lộc Văn Q** vẫn giữ nguyên yêu cầu được đoàn tụ và tôi có nguyện vọng được nuôi con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bê, tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định và các bên đã chấp hành các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Đỗ Thị T**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị T** được ly hôn với anh **Lộc Văn Q**.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung **Lộc Duy P**, sinh ngày 08/10/2014 cho chị **Đỗ Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị **Đỗ Thị T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, nuôi con chung khi Ly hôn, các đương sự đều cư trú tại **thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Bê, tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị T** và anh **Lộc Văn Q** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn** vào năm 2014, nên xác định hôn nhân của các đương sự là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, thiếu tôn trọng nhau. Trong cuộc sống do hai vợ chồng không thường xuyên gần nhau nên đã có những mâu thuẫn và cùng gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng tình cảm hai vợ chồng vẫn không thay đổi, do vậy hai vợ chồng không tìm được tiếng nói

chung, hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị **T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Q**, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị **T** và anh **Q** mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị **T** là phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị **T** và anh **Q** có con chung tên là **Lộc Duy P**, sinh ngày 08/10/2014, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường và hiện nay con đang ở cùng với chị **T**. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị **T** có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, anh **Q** cũng có nguyện vọng được nuôi con chung, bản thân cháu **Lộc Duy P** có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cả hai bên đều có điều kiện để nuôi con và đảm bảo phù hợp với nguyện vọng của con chung, do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự về vấn đề nuôi con chung và tạo điều kiện cho sự phát triển của trẻ em. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho chị **T** trực tiếp nuôi dạy con là phù hợp, cho nên giao con chung **Lộc Duy P**, sinh ngày 08/10/2014 cho chị **Đỗ Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, các bên không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Đỗ Thị T** phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

\* Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị **Đỗ Thị T**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị T** được ly hôn với anh **Lộc Văn Q**.

- Về con chung: Giao con chung **Lộc Duy P**, sinh ngày 08/10/2014 cho chị **Đỗ Thị T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, các bên không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị **Đỗ Thị T** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị **Đỗ Thị T** đã nộp theo biên lai số: 0001199 ngày 11/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bê, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị **Đỗ Thị T** đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Ba Bê;
- Chi cục THADS huyện Ba Bê;
- Các đương sự;
- UBND xã Thượng Giáo;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thế Hùng**